

PHƯƠNG THỨC CANH TÁC TRUYỀN THỐNG Ở CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ LÂM ĐỒNG VÀ VAI TRÒ GIẢM THIỂU VỐN RỪNG

NGUYỄN VĂN ĐIỀU

Lâm Đồng là một trong những tỉnh miền núi có nhiều dân tộc thiểu số còn duy trì phương thức canh tác nông nghiệp truyền thống. Đó là hình thức quảng canh, với trình độ kỹ thuật thô sơ, nên mùa màng hoàn toàn phụ thuộc vào thiên nhiên. Do năng suất lúa thấp, nên mỗi gia đình, mỗi cộng đồng làng, cần có một diện tích rừng khá rộng để phát - đốt, làm rẫy, theo một chu kỳ luân khoanh. Với phương thức canh tác truyền thống này họ đã đóng một vai trò rất quan trọng trong việc làm hao mòn nhanh chóng vốn rừng tự nhiên tại địa phương.

I- Đặc điểm địa lý của vùng cư trú

Cùng với 488 462 người Việt, các dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng cư trú trên một địa bàn rộng 1.017.260 ha, nằm về phía nam Tây Nguyên. Ở đây có các cao nguyên nhỏ, đó là: Lang-biang (Lâm Viên), Đà Lạt, Di Linh, Bảo Lộc và Đơn Dương - Liên Khương. Ngoài ra, còn có bình nguyên Đa Huoai, Cát Tiên. Từ đây, địa hình thấp dần về hướng đông Nam Bộ.

Địa bàn này nằm trên cao độ từ 300m đến 2.000m. Đây là vùng cao nguyên đất đỏ do núi lửa tạo thành. Nhiệt độ trung bình hàng năm từ 17oC đến 21oC. Vũ lượng trung bình năm: 1.755 mm, có hai mùa rõ rệt: mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 10; mùa khô từ tháng 11 đến tháng 3. Nói chung, đây là vùng khí hậu ôn hòa, thuận lợi cho sự phát triển của thực động vật. Các cao nguyên nói trên xưa kia, có thảm rừng rất phong phú, phủ kín mặt đất. Đó là các loại rừng nhiệt đới:

Rừng rậm nhiệt đới xanh mùa mưa, ở núi thấp, thuộc vùng cư trú của người Cơ-ho Xrê

tại huyện Di Linh, nhất là vùng cư trú của người Mạ tại các huyện Bảo Lộc, Đa Huoai và Đa Tẻh. Trong một công trình khoa học của M.Schmid, xuất bản năm 1974, đã mô tả kỹ một mảnh rừng thuộc loại này trên cao nguyên Bảo Lộc, ở độ cao từ 700 đến 1.000 mét, phát triển trên đất feralit do bazan phong hóa tạo thành. Trong thành phần cây gỗ thuộc các tầng của loại rừng này là đại diện của các cây họ đậu, long não, dẻ, sim, xoan v.v...(1).

Rừng rậm nhiệt đới với các điều kiện như trên, nhưng là đất do sự phong hóa của các loại đá phiến có tầng đất mùn nông hơn, độ phì nhiêu nghèo hơn cũng được M.Schmid mô tả trong một công trình nghiên cứu của mình, xuất bản năm 1978 thì ở đây có thông lông gà (podocar -bus imbricatuc), nhiều loại cây thuộc họ ngọc lan (magnolicceac), cau (areaceace) và nhiều loại dương xỉ...

Cũng trong loại rừng này, nhưng phát triển ở đai cao hơn như M.Schimid, đã mô tả loại rừng trên đất feralit (do sự phong hóa của đá daxít) thì ở đây có nhiều loại cây thuộc họ dẻ, kim giao, thông lông gà, thông tre, long não, chè, ngọc lan, bứa, bồ hòn...

Trong địa bàn nói trên còn có rừng tre với tổng diện tích 165.000ha...

Ngoài các loại rừng kể trên, tại vùng cư trú của người Cơ-ho Chil, Cơ-ho Lạt, Cơ-ho Xrê và một bộ phận người Mạ ở các huyện Bảo Lộc, Đức Trọng, Di Linh, Lạc Dương và Đơn Dương, còn có khoảng 17,5 vạn ha rừng

(1) Phan Kế Lộc. Một số đặc điểm cơ bản của hệ thực vật và thảm thực vật Tây Nguyên, trong "Tây Nguyên, các điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên", Nxb KH và KT, H. 1985. tr. 230.

thông 2 lá và 3 lá mọc thuận chũng, hoặc rừng thông hỗn giao với cây lá rộng.

Bên cạnh đó, hiện nay còn có khoảng 395.000 ha rừng đã biến thành đất trống đồi trọc, hoặc bị thay thế bởi các thảm thực vật thứ sinh khác.

II. Các dân tộc thiểu số

Hiện nay, ở Lâm Đồng người Việt chiếm khoảng 70% dân số toàn tỉnh. Bên cạnh đó là 37 dân tộc thiểu số bao gồm 103.000 người, trong đó 5 dân tộc có dân số khá đông và tồn tại phương thức canh tác phát đốt rừng làm rẫy. Các dân tộc đó là: Cơ-ho, M'ông, Ra-glai và Giê- Triêng.

Căn cứ vào dân số (1), có thể phân chia các dân tộc thiểu số ở Lâm Đồng thành 2 cộng đồng dân cư sau đây:

a- Loại có dân số từ 01 vạn đến trên 08 vạn người gồm:

- Người Cơ-ho: 82.971 người
- Người Mạ: 19.972 -
- Người Hoa: 11.180 -
- Người Chu-ru: 10.402 -
- Người M'ông: 11.000 -

b- Loại có dân số từ 800 đến 8.000 người gồm:

- Người Tày: 6.605 người
- Người Nùng: 8.491 -
- Người Thái: 3.731 -
- Người Ra-glai: 0.868 -

Trong các dân tộc tồn tại phương thức canh tác phát đốt rừng làm rẫy, thì người Cơ-ho, Mạ, Giê-Triêng, M'ông, Ra-glai là những cộng đồng đã từng sinh sống lâu đời ở Lâm Đồng. Họ đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình làm hao mòn nhanh chóng vốn rừng tự nhiên tại địa phương...

Sự phân bố của các dân tộc nói trên như sau:

A. Các dân tộc bản địa

1. Người Cơ-ho với sự phân bố của các nhóm địa phương như sau:

- Nhóm Cơ-ho Xrê, có dân số đông nhất trong tộc người này. Họ có mặt ở hầu khắp

các huyện của Lâm Đồng, nhưng tập trung nhất là ở Di Linh.

- Nhóm Cơ-ho Nộp cư trú ở phía nam huyện Di Linh, ven đường số 8, từ Di Linh đi Phan Thiết.

- Nhóm Cơ-ho Cơ-don cư trú ở miền núi đông - nam Di Linh, gọi là vùng Gia Bắc, kế cận với địa bàn của người Nộp. Hiện nay, người Cơ-ho Co-don tập trung ở xã Đình Trang Hòa (huyện Di Linh).

- Nhóm Cơ-ho Chil, trước đây cư trú rải rác trên những sườn núi cao, thuộc vùng thượng lưu Krông Knô, phía bắc và tây bắc cao nguyên Lang-biang, nhưng do sống du canh du cư nên từ lâu, họ đã thiên di xuống phía nam, cư trú phía bắc và đông bắc Đà Lạt, kế cận với địa bàn của người Lạt. Hiện nay, họ ở một số xã thuộc các huyện: Đơn Dương, Lạc Dương, Đức Trọng và một số ở gần thành phố Đà Lạt (vùng Nam Nung). Đó là nhóm người đang ở trình độ phát triển kinh tế thấp nhất so với các nhóm khác. Ngành kinh tế chủ đạo của tộc người Cơ-ho là trồng trọt, trong đó, phương thức canh tác phát rừng làm rẫy có vai trò đặc biệt quan trọng đối với đời sống của họ.

2. Người Mạ chiếm 5,5% dân số toàn tỉnh vào năm 1989.

Về mặt địa lý dân cư, địa bàn cư trú của người Mạ nằm trên vùng trung lưu và thượng lưu sông Đồng Nai (Đạ Đờng), giáp ranh giữa các cao nguyên phía nam dãy Trường Sơn, phía bắc địa bàn cư trú của người Mạ tiếp giáp với cao nguyên M'ông (cao nguyên Ba Biên giới), cao nguyên Dak lăk và vùng hồ Lăk. Phía đông bắc, giáp với cao nguyên Lang-biang, đông nam là cao nguyên Bảo Lộc, cao nguyên Di Linh, và tây nam giáp với vùng đất cao miền đông Nam Bộ (2).

3. Người M'ông ở Việt Nam có khoảng 50.000 người, cư trú chủ yếu ở tỉnh Dak lăk. Trên địa bàn Lâm Đồng, họ chỉ có một bộ phận nhỏ, chiếm 3% dân số toàn tỉnh. Họ cư

(1) Theo tổng điều tra dân số Việt Nam năm 1989. Dân số chia theo dân tộc (tỉnh Lâm Đồng), tr. 101.

trú tập trung nhất ở vùng thượng lưu sông Krông Knô, nằm về phía bắc cao nguyên Lang-biang, thuộc xã Đạ Mrông, huyện Lạc Dương.

4. Người Gié - Triêng có 603 người đại bộ phận của họ cư trú ở bắc Tây Nguyên.

5. Người Chu-ru sống tập trung ở Lâm Đồng, ngoài ra, còn có 2000 người cư trú tại các huyện miền núi thuộc 2 tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận. Tại Lâm Đồng, họ chiếm 2,5% dân số toàn tỉnh, cư trú tập trung nhất ở thung lũng Dran, thuộc huyện Đơn Dương. Một số người Chu-ru cư trú ở 2 huyện Đức Trọng và Di Linh...

Người Chu-ru đã định canh định cư và canh tác ruộng nước từ lâu đời. Nghề trồng lúa nước chiếm vị trí quan trọng trong đời sống kinh tế và lúa nước là cây lương thực chủ yếu. Tuy nhiên, họ vẫn duy trì việc trồng ngô, khoai, sắn và một số rau đậu trên đất rẫy và đất vườn...

6. Người Ra-glai cư trú tập trung ở những huyện miền núi thuộc các tỉnh Ninh Thuận, Khánh Hòa và Bình Thuận. Trên địa bàn Lâm Đồng hiện nay, họ chiếm 0,2% dân số tỉnh và cư trú ở một số nơi thuộc các huyện Đức Trọng, Đơn Dương và Di Linh.

B. Các dân tộc ở miền Bắc di cư sau 1954.

1. Người Thổ có 522 nhân khẩu: Họ canh tác theo phương thức phát đốt rừng làm rẫy. Ở họ, song song tồn tại 2 loại rẫy: rẫy trên đất dốc và rẫy trên đất bằng. Rẫy thường làm từ 2 - 4 vụ rồi bỏ đi canh tác ở nơi khác theo chế độ luân khoảnh.

2. Người Mường: Ở Lâm Đồng có 199 người. Họ làm ruộng nước và rẫy định canh.

3. Người Tày: ở Lâm Đồng, phần lớn cư trú tại xã Tùng Nghĩa, huyện Đức Trọng.

4. Người Thái: Sống định canh định cư thành những nhóm làng đồng đúc. Ruộng nước và nương rẫy thâm canh là phương thức canh tác chủ đạo của họ.

5. Người Nùng: Tại Lâm Đồng sống tập trung ở xã Tùng Nghĩa, huyện Đức Trọng,

họ canh tác ruộng nước thành thạo như người Kinh.

6. Người Hoa: Tại Lâm Đồng phần lớn sinh sống bằng buôn bán ở thành phố Đà Lạt và các thị trấn: Bảo Lộc, Di Linh, Tùng Nghĩa...

III. Phương thức canh tác truyền thống

Các dân tộc thiểu số nơi đây sinh sống chủ yếu bằng phương thức canh tác nương rẫy. Do điều kiện địa lý ở mỗi vùng và trình độ phát triển của mỗi tộc người khác nhau, nên phương thức canh tác cũng mang những nét riêng.

Các nhóm tộc người bản địa cư trú trên vùng núi cao, vùng xa xôi hẻo lánh, thì phát đốt rừng làm rẫy theo chế độ luân khoảnh là phương thức canh tác chủ yếu.

Người Cơ-ho Chil, Cơ-ho Cơ-don, Cơ-ho Nộp, Cơ-ho Tố-la, người M'ông Gar... thường ưa thích chọn những khu rừng già (*rlau*) ở trên sườn núi cao, nhiều cây cổ thụ, có độ dốc khá lớn, để phát đốt làm rẫy. Người ta thường tìm thấy người Chil từ trên những ngọn núi cao đầu tiên của Nam Bộ, đến ranh giới phía bắc miền thượng du. Họ luôn luôn sống trên các đỉnh núi cao, hiểm trở. Họ không bao giờ cư trú dưới các thung lũng hay các cao nguyên tương đối bằng phẳng.

Rừng hoang là nơi sống quen thuộc của người Chil. Khi băng qua nhiều dãy núi hoang dã của miền thượng du, khách lạ không khỏi ngạc nhiên khi thấy hiện ra mái nhà sàn của người Chil ở trong một khu rừng, mà anh tưởng là nguyên thủy. Triền núi Bra Yang phủ đầy cây cỏ, đến phân nửa độ cao. Kể từ Bảo Lộc đi lên, còn phân nửa phần trên, lờm chờm đầy những cây đại thụ, nối liền với nhau bằng một hàng rào dày đặc những dây leo khổng lồ, không còn thấy đâu là gốc, đâu là ngọn. Đây là địa bàn cư trú quen thuộc đối với người Chil. Nhưng người Chil là những người thợ rừng cừ khôi. Với một cái riu (*kol*, *sùng*) và một cái chà gạc (*vvioh*), những người Chil có thể khai quang khá nhanh chóng và dễ dàng những khu rừng rộng lớn, đầy những

cây cổ thụ. Đàn bà và trẻ em, trước tiên đốn cây nhỏ và chặt cây leo. Thường thường, họ chỉ chặt một vài nhát, không cần chặt đứt hoàn toàn thân cây. Tiếp theo đó, những người đàn ông lực lưỡng, dùng rìu đốn những cây lớn, lần lượt từ phía dưới lên phía trên của dốc, để cho chúng ngã xuống, lồi luôn cả cây nhỏ và dây leo... Sau khi cây đốn ngã, được phơi khô một thời gian, người Chil đốt, dọn rẫy và đợi mùa gieo hạt giống" (1)...

Đó là phương cách chọn rừng, phát - đốt để làm rẫy của người Chil - một mô thức canh tác nương rẫy điển hình của cộng đồng người Cơ-ho ở Lâm Đồng.

Khác với người Chil, người M'ông Gar, người Mạ, lại thường ưa chọn những khu rừng chồi - rừng thứ sinh (sar), chứ không phải rừng già (rlau), để phát đốt làm rẫy.

Có thể nói vai trò của việc đốt rẫy rất quan trọng đối với nền nông nghiệp sơ khai của các tộc người thiểu số nơi đây.

Có thể nói, rẫy là loại hình trồng trọt quan trọng nhất đối với đời sống của các tộc thiểu số bản địa nơi đây. Cho đến thời gian gần đây, rẫy vẫn là nguồn cung cấp lương thực và thực phẩm chủ yếu cho các buôn làng ở các tộc người nói trên.

Nhìn vào phần lớn các làng, xã có người dân tộc thiểu số cư trú, diện tích lúa rẫy vẫn lớn hơn diện tích lúa nước. Thí dụ, làng Tà-ly 1, xã Ka Đò, huyện Đơn Dương là một làng mà dân số Cơ-ho Chil chiếm 99,9% dân số chung. Làng này, chỉ có khoảng 13 ha ruộng lúa nước, nhưng lại có trên 50 ha rẫy. Tại làng Tà-ly 2, xã KaĐò, có gần 100% dân số là người Cơ-ho Chil. Làng này, chỉ có khoảng 10 ha ruộng lúa nước, nhưng có gần 60 ha rẫy (2).

Theo J.Boulbet, người đã từng sống và nghiên cứu nhiều năm ở vùng người Mạ, huyện Bảo Lộc, thì hằng năm, mỗi người Mạ cần 0,5 ha rừng để phát đốt làm rẫy. Với diện

tích đó, sẽ cung cấp cho họ 800 kg lúa hoặc 500 kg gạo. Vì chu kỳ lưu canh rừng là 16 năm, rẫy lại làm năm một nên, mỗi người cần có 8 ha rừng để quay vòng theo một chu kỳ (luân khoảnh) (3)...

Các dân tộc bản địa ở Lâm Đồng tính năng suất trên rẫy theo số gùi lúa thu được, khi tria một gùi lúa giống. Theo một tác giả người Pháp, tại cao nguyên Bảo Lộc, khi tria một gùi lúa giống xuống rẫy, đã thu hoạch về được 40 gùi (một gùi - "sah" khoảng 30 kg thóc). Còn ở các thung lũng vùng lưu vực sông Đa Đông và các chi lưu của nó, người Mạ ở đây tria một gùi lúa giống; sẽ thu hoạch 80 gùi lúa. Nếu rẫy làm trên đất bồi, thì tria 01 gùi lúa giống sẽ thu hoạch được 100 gùi lúa (4). Tính năng suất theo ha, thì năng suất bình quân của rẫy ở toàn vùng người Mạ cư trú khoảng 1,6 tấn/ha (vào thời điểm 1967). Năng suất rẫy ở Lâm Đồng ngày càng giảm sút nhanh chóng. Hiện nay, năng suất rẫy là 700 kg/ha.

Do nhu cầu sử dụng lương thực tối thiểu của một người dân tại địa phương trong một năm là từ 500 đến 350 kg thóc. (Số lượng lương thực này người ta dùng để ăn, làm rượu cần và chi vào các lễ nghi phong tục một cách rất khiêm tốn).

Để có đủ số lương thực nói trên thì một người dân buộc phải phát đốt 0,5 ha rừng để làm rẫy. Mỗi đám rẫy như vậy, họ canh tác khoảng 3 năm. Vì vậy 1 năm 1 người dân phải phát đốt 1.666 m² rừng để làm rẫy. Đó là một con số khủng khiếp nếu nhân với dân số của họ trong tình hình được gia tăng liên tục.

(1) Dambo, *Les population montagnards du Sud Indochinois*, France-Asie, No- Special 49-50, 1950, P.103.

(2) Tài liệu điều tra tại địa phương của tác giả, tháng 5 1994.

(3) Boulbet, j, *Lemir culture itinérante avec, Jachère Forestiere en Pays Maa* B.E.F.E.C, Extrait du Tome LIII, Fasc, 1. 1966, P. 950.

(4) Boulbet. Tài liệu đã dẫn, tr.92.